

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 351/2004/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 4 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH
CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
SỐ 351/2004/QĐ-NHNN NGÀY 07 THÁNG 4 NĂM 2004 VỀ VIỆC
BAN HÀNH QUY CHẾ VỀ MÔI GIỚI TIỀN TỆ

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/06/2003;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997.
- Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về môi giới tiền tệ.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.
- Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ
VỀ MÔI GIỚI TIỀN TỆ

*Ban hành kèm theo Quyết định số 351/2004/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 4 năm 2004
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về môi giới tiền tệ của các tổ chức tín dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức môi giới tiền tệ (gọi tắt là Bên môi giới) bao gồm các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Luật Các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động môi giới tiền tệ;
- Khách hàng được môi giới tiền tệ bao gồm các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Luật Các tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính nước ngoài.

Điều 3. Định nghĩa về môi giới tiền tệ

Môi giới tiền tệ (gọi tắt là môi giới): Là hoạt động cung ứng dịch vụ của các tổ chức tín dụng để dàn xếp, tạo điều kiện cho các giao dịch bao gồm các giao dịch vay, cho vay, nhận tiền gửi, gửi tiền; mua, bán giấy tờ có giá; mua, bán ngoại tệ và các giao dịch khác giữa các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính nước ngoài, có thu phí môi giới.

Điều 4. Nguyên tắc môi giới

- Trung thực, công bằng, vì lợi ích của khách hàng: Bên môi giới phải phản ánh đúng, đầy đủ, trung thực các thông tin về giá cả, giá trị giao dịch và các thông tin khác được khách hàng cho phép Bên môi giới cung cấp; Không đưa ra mức giá cả có thể làm cho khách hàng hiểu lầm về giá cả thị trường; Không được đối xử ưu đãi đối với các khách hàng có quan hệ thân thiết; Không được thực hiện các hành vi giao dịch làm ảnh hưởng tới lợi ích của khách hàng; Bên môi giới phải tìm mọi biện pháp và có bằng chứng chứng minh đã tìm mọi biện pháp để mang lại giao dịch với mức giá tối ưu cho khách hàng;
- Không tiết lộ thông tin về tên, địa chỉ giao dịch và thông tin mật của khách hàng khi chưa được khách hàng đồng ý, trừ trường hợp có yêu cầu của các cơ quan có thẩm

quyền của Nhà nước;

3. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước khi thực hiện lệnh của tổ chức tín dụng của mình.

Điều 5. Áp dụng các điều ước và tập quán quốc tế khi có bên nước ngoài tham gia

1. Các điều ước quốc tế về môi giới mà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định tại Quy chế này, thì áp dụng quy định tại các điều ước quốc tế đó.

2. Các bên có thể thoả thuận áp dụng các quy tắc, tập quán và thông lệ quốc tế về môi giới, nếu các quy tắc, tập quán và thông lệ đó không trái với pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Cơ quan cấp Giấy phép hoạt động môi giới

Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các Ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) cấp và thu hồi Giấy phép hoạt động môi giới (sau đây gọi tắt là Giấy phép).

Điều 7. Điều kiện cấp Giấy phép

Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép cho các tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện cơ bản sau đây:

1. Có nhu cầu hoạt động môi giới;
2. Có bộ phận hoặc công ty trực thuộc thực hiện môi giới thuộc tổ chức tín dụng;
3. Người quản trị, điều hành của bộ phận hoặc công ty trực thuộc thực hiện môi giới (Trưởng, phó Phòng, hoặc Trưởng, phó Ban, hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc) có trình độ chuyên môn về kinh tế, tài chính, ngân hàng phù hợp với hoạt động môi giới; có kiến thức và kinh nghiệm về kiểm soát rủi ro;
4. Có phương án thực hiện môi giới khả thi;
5. Có hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
6. Có cơ sở vật chất, hệ thống kỹ thuật tin học và phương tiện thông tin liên lạc (điện thoại, thiết bị ghi âm, máy vi tính và các thiết bị khác) đáp ứng yêu cầu của hoạt động môi giới.

Điều 8. Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép

1. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép gồm:

a. Đơn đề nghị cấp Giấy phép;

b. Phương án thực hiện môi giới 3 năm đầu, trong đó nêu rõ phương thức tổ chức thực hiện môi giới, cơ sở vật chất, trang bị hệ thống kỹ thuật tin học và phương tiện thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động môi giới, hiệu quả và lợi ích kinh tế của tổ chức tín dụng;

c. Danh sách, lý lịch, các văn bằng (bản sao có xác nhận của công chứng Nhà nước) chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của người quản trị, điều hành và nhân viên của bộ phận hoặc công ty trực thuộc thực hiện môi giới;

2. Hồ sơ xin cấp Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phải lập thành 2 bộ bằng tiếng Việt. Các tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tín dụng cổ phần) gửi hồ sơ xin cấp Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các ngân hàng). Các tổ chức tín dụng cổ phần gửi hồ sơ xin cấp Giấy phép cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (nơi tổ chức tín dụng cổ phần đặt trụ sở chính);

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin cấp Giấy phép của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép.

Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) giải thích rõ lý do bằng văn bản. Trường hợp có sửa đổi, bổ sung, thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn cấp phép;

4. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các nghiệp vụ mà tổ chức tín dụng được môi giới. Tổ chức tín dụng phải hoạt động đúng theo các nghiệp vụ được quy định trong Giấy phép. Cấm làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép;

5. Trường hợp có bổ sung hoặc thay đổi các nghiệp vụ được môi giới trong Giấy phép thì tổ chức tín dụng làm thủ tục xin cấp lại hoặc cấp Giấy phép bổ sung;

6. Tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về những nội dung quy định trong Giấy phép.

Điều 9. Thu hồi Giấy phép

Tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép có thể bị thu hồi Giấy phép khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

1. Có chứng cứ là trong hồ sơ xin cấp Giấy phép có những thông tin cố ý làm sai sự thật;
 2. Tự nguyện xin chấm dứt hoạt động môi giới, giải thể hoặc phá sản;
 3. Hoạt động sai mục đích;
 4. Không còn đáp ứng đủ các điều kiện cấp Giấy phép theo quy định tại Quy chế này
- Trường hợp thu hồi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước gửi văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng về việc thu hồi Giấy phép trong phạm vi 14 ngày.

Điều 10. Phạm vi môi giới

Các tổ chức tín dụng được cung cấp dịch vụ môi giới đối với một hoặc một số nghiệp vụ sau:

1. Vay, cho vay;
2. Mua, bán các khoản nợ;
3. Gửi tiền, nhận tiền gửi;
4. Mua, bán giấy tờ có giá;
5. Giao dịch ngoại hối giao ngay;
6. Giao dịch có kỳ hạn ngoại hối;
7. Giao dịch hoán đổi ngoại hối, lãi suất;
8. Giao dịch quyền lựa chọn ngoại hối;
9. Các nghiệp vụ khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Hình thức thực hiện môi giới

1. Bên môi giới có thể thực hiện môi giới thông qua giao dịch trực tiếp hoặc gián tiếp qua mạng máy vi tính và/hoặc điện thoại với khách hàng, hoặc các hình thức khác do các bên thoả thuận;